

BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20192
Lớp ĐCN 4 K9 Mã lớp học 28,035 Lý thuyết

Môn học: MH009 Chính trị cuối khóa

Giáo viên: *N. Quang Trường*

Số đơn vị học trình: 1

Ngày thi: *23/05/2020*

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
1	CD171742	Lê Đức Anh	01/09/1999	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Anh</i>	
2	CD171611	Nguyễn Thành Công	13/01/1999	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Công</i>	
3	CD171933	Chu Hữu Dân	01/09/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Dân</i>	
4	CD171587	Đặng Hải Đăng	04/10/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Đăng</i>	
5	CD172018	Lê Ngọc Đăng	14/06/1999	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Đăng</i>	
6	CD172084	Nguyễn Ngọc Tuấn Đạt	05/01/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Dat</i>	
7	CD171690	Vũ Phương Đông	18/09/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Đông</i>	
8	CD171555	Bùi Văn Đức	21/07/1999	<i>6</i>	<i>2</i>	<i>Đức</i>	
9	CD171935	Vũ Dương Dũng	23/11/1999	<i>6</i>	<i>1</i>	<i>Dũng</i>	
10	CD171791	Khúc Ngọc Dương	21/01/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Dương</i>	
11	CD172046	Đào Xuân Hải	13/02/1998	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Hải</i>	
12	CD171684	Lê Văn Hải	18/11/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Hai</i>	
13	CD172085	Tạ Duy Hải	13/09/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Hải</i>	
14	CD171675	Ngô Ngọc Hân	10/06/1999	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Hân</i>	
15	CD171427	Trần Văn Hanh	16/09/1999	<i>6</i>	<i>2</i>	<i>Hanh</i>	
16	CD171263	Đoàn Minh Hiếu	18/08/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Hieu</i>	
17	CD172119	Lê Duy Hiếu	10/03/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Hieu</i>	
18	CD171290	Trần Đức Hưng	22/10/1998	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Hưng</i>	
19	CD171260	Nguyễn Đăng Khoa	15/11/1999	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Khoa</i>	
20	CD171761	Nguyễn Thế Kiên	13/06/1999	<i>6</i>	<i>1</i>	<i>Kiên</i>	
21	CD171424	Tạ Quang Lân	19/08/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Lan</i>	
22	CD171772	Đào Ngọc Linh	25/01/1998	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Linh</i>	
23	CD171525	Nghiêm Quang Linh	09/11/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Linh</i>	
24	CD171888	Nguyễn Đức Lương	19/02/1999	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Lương</i>	
25	CD170936	Nguyễn Việt Nam	27/04/1999	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Nam</i>	
26	CD171430	Trần Đình Ngọc	20/09/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Ngoc</i>	
27	CD171969	Lê Đức Phúc	02/10/1997	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>phuc</i>	
28	CD171449	Bùi Hữu Quang	07/05/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Quang</i>	
29	CD171799	Nguyễn Ngọc Quang	21/07/1999	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Quang</i>	
30	CD171757	Vũ Đức Quý	24/05/1999	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Quý</i>	
31	CD171440	Nguyễn Đình Thắng	19/11/1999	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Thắng</i>	
32	CD171711	Lại Đức Toàn	14/10/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Toàn</i>	
33	CD171778	Nguyễn Việt Toàn	29/09/1999	<i>F</i>	<i>1</i>	<i>Toàn</i>	
34	CD171450	Phạm Đức Toàn	25/03/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Toàn</i>	
35	CD171884	Mai Phi Trục	11/04/1999	<i>F</i>	<i>2</i>	<i>Trục</i>	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm	Số tờ	Chữ ký SV	Ghi chú
36	CD171934	Ngô Xuân Trung	01/06/1999	7	1	Trung	
37	CD171725	Ngô Văn Trường	13/04/1999	6	1	Trường	
38	CD171554	Nguyễn Quốc Trường	09/02/1999	7	2	Trường	
39	CD171547	Nguyễn Văn Tú	11/02/1998	7	1	Tú	
40	CD172089	Nguyễn Đình Văn	01/09/1999	7	1	Văn	

Tổng số sinh viên dự thi: 40
Số sinh viên đạt: 40

Tổng số tờ giấy thi: 57
Ngày giao viên nộp điểm: 1/6/2020
Hạn cuối nộp điểm:

PHÒNG ĐÀO TẠO

Trần Thị Như Trang

Trần Thị Như Trang

CÁN BỘ CHẤM THI

Nguyễn Quỳ Túy

CÁN BỘ COI THI 1

TRƯỞNG KHOA

Phó Trưởng Khoa

CÁN BỘ COI THI 2

Trần Văn Thắng

Trần Thị Hải Duyên

PHÓ TRƯỞNG KHOA
Ths. Lê Thị Tuyết Ngọc